

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HS-ST

Ngày 29/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Chu Đức Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh

Ông Phạm Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Lộc, Thư ký Toà án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông Triệu Xuân Triu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/HSST, ngày 09 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T - Sinh ngày 18/02/1993 tại B, P, tỉnh Bắc Kạn. Trú tại: thôn N, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng, đoàn: Không; Con ông Hoàng Văn T và con bà Quan Thị H; Vợ: Nông Thị H; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/8/2018 đến ngày 09/01/2019 (có mặt tại phiên tòa).

* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vi Duy T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (Vắng mặt có lý do).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông La Đức D- Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện P (Vắng mặt có lý do).

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Phương B – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Văn T - Sinh năm 1964 (Vắng mặt có lý do)

Ông Quách Văn Y - Sinh năm 1969 (Vắng mặt có lý do)

Bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm 1974 (Vắng mặt có lý do)

Bà Nông Thị T - Sinh năm 1950 (có mặt)

Ông Hoàng Văn S - Sinh năm 1968 (Vắng mặt có lý do)

Đều trú tại: thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn

* Người làm chứng:

Ông Ma Văn C - sinh năm 1985

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt có lý do)

Bà Lý Thị P - Sinh năm 1969

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện P, tỉnh B (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/12/2012 Hộ gia đình ông Hoàng Văn T và bà Quan Thị H trú tại thôn Đ, xã B, huyện P là bố mẹ đẻ bị cáo Hoàng Văn T được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 12.303m² (Mười hai nghìn ba trăm linh ba mét vuông) đất có rừng tự nhiên sản xuất tại thửa số 75, tờ bản đồ số 02 thuộc K, thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Năm 2015 ông T và bà H đã thống nhất giao cho Hoàng Văn T quản lý và sử dụng thửa đất trên nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, do có nhu cầu trồng rừng nên trong các ngày từ 17/4/2018 đến 23/4/2018 Hoàng Văn T đã thuê các chị: Lý Thị P sinh năm 1969; Hoàng Thị B sinh năm 1988; Lý Thị U sinh năm 1977; Hà Thị P sinh năm 1982; Vàng Thị D sinh năm 1976; Đặng Thị Ô sinh năm 1963; Đặng Thị Đ sinh năm 1970; Hoàng Thị P sinh năm 1985; Bàn Thị T sinh năm 1985; Đặng Thị C sinh năm 1956 đều trú tại thôn P, xã B đi phát phá những cây bụi dậm, cây dây leo và cây nhỏ tại khu rừng nói trên, ngày 24/4/2018 T thỏa thuận và thuê anh Ma Văn C sinh năm 1985 trú tại thôn T, xã C dùng máy cưa xăng loại cầm tay của T để cắt hết những cây thân gỗ trên phạm vi diện tích rừng mà T đã thuê phát quang trước đó, anh C tiến hành cắt hạ các cây thân gỗ đến ngày 30/4/2018 thì xong.

Ngày 18/5/2018, ngay sau khi tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm, Cơ quan điều tra Công an huyện P phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám

nghiệm hiện trường, tạm giữ tang vật của vụ án, lấy lời khai của bị cáo, những người có liên quan và yêu cầu định giá tài sản bị thiệt hại.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/5/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm xác định: Hiện trường vụ huỷ hoại rừng tại Lô 2, khoảnh 5, tiểu khu 21, tờ bản đồ số 02 thuộc khu rừng K thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn là rừng sản xuất có trạng thái rừng tự nhiên phục hồi, theo Bản đồ quy hoạch ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/5/2007. Vị trí diện tích rừng bị phát phá, phía Đông giáp với diện tích rừng hộ gia đình ông Quách Văn V và ông Quách Văn Y; Phía Tây tiếp giáp với rừng của ông Hoàng Văn T; Phía Nam tiếp giáp rừng của ông Hoàng Văn S; Phía Bắc tiếp giáp với rừng của ông Nông Văn V. Trên bề mặt diện tích rừng bị chặt hạ phát hiện nhiều cây thân gỗ với nhiều nhóm gỗ khác nhau đã bị cắt đổ ngổ ngang về nhiều hướng, các vết cắt này đều sắc gọn có để lại phần gốc nhô lên trên mặt đất với nhiều kích cỡ khác nhau, và rải rác có một số cây thân gỗ chưa bị cắt hạ có chiều cao trung bình từ 04 mét đến 05 mét, chu vi gốc từ 50cm đến 65cm; Tiến hành đo diện tích rừng bị huỷ hoại, sử dụng máy định vị vệ tinh GPS78 CSX, hệ toạ độ Vn-2000, máy đo do Hạt kiểm lâm huyện Pác Nặm cung cấp xác định diện tích rừng bị chặt hạ là 16.600m² (Mười sáu nghìn sáu trăm mét vuông); Số cây gỗ bị chặt hạ từ nhóm III đến nhóm VIII có chu vi (vòng dây) nhỏ nhất từ 24cm trở lên là 349 cây = 91,805 m³.

Để xác định chính xác vị trí, diện tích rừng bị chặt phá thuộc thửa đất nào, do ai là chủ sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm, đã phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện P đã tiến hành đối chiếu sơ đồ khám nghiệm hiện trường với Tờ bản đồ số 2 Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả xác định:

Diện tích rừng Hoàng Văn T phát phá có tổng diện tích là 16.600m² nằm trên 05 thửa đất rừng đều là rừng sản xuất và đều thuộc Lô 2, khoảnh 5, tiểu khu 21, tờ bản đồ số 02 thuộc khu rừng K, thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, diện tích bị phát phá có vị trí thuộc các thửa đất sau:

- Tại thửa đất số 71 Lô 2, khoảnh 5, tiểu khu 21, tờ bản đồ số 02 chủ sử dụng đất là ông Nông Văn V và bà Nguyễn Thị Q bị phát phá: 1.579m². (Một nghìn năm trăm bảy mươi chín mét vuông).

- Tại thửa đất số 72 Lô 2, khoảnh 5, tiểu khu 21, tờ bản đồ số 02 chủ sử dụng đất là ông Quách Văn V và bà Nông Thị T bị phát phá: 4.893m². (Bốn nghìn tám trăm chín mươi ba mét vuông).

- Tại thửa đất số 75 Lô 2, khoảnh 5, tiểu khu 21, tờ bản đồ số 02 chủ sử dụng đất là ông Hoàng Văn T và bà Quan Thị H bị phát phá: 4.328m². (Bốn nghìn ba trăm hai mươi tám mét vuông).

- Tại thửa đất số **76** Lô 2, khoảnh 5, tiểu khu 21, tờ bản đồ số 02 chủ sử dụng đất là ông Hoàng Văn S và bà Cà Thị T bị phát phá: 1.641m². (Một nghìn sáu trăm bốn mươi một mét vuông).

- Tại thửa đất số 676 Lô 2, khoảnh 5, tiểu khu 21, tờ bản đồ số 02 chủ sử dụng đất là ông Quách Văn Y và bà Nguyễn Thị M bị phát phá: 4.159m². (Bốn nghìn một trăm năm mươi chín mét vuông). BL số 86.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTSVV ngày 14/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: 91,805 mét khối gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII có tổng giá trị là: 70.600.563 đồng.

Tại cơ quan điều tra Công an huyện, bị cáo Hoàng Văn T khai nhận: Khu rừng mà T thuê chặt phá là rừng sản xuất có trạng thái là rừng mọc tự nhiên, các cây gỗ mọc tự nhiên đều thuộc nhóm gỗ không có giá trị về kinh tế, nên mới có ý định chặt những cây rừng để trồng cây xoan nhằm tăng thu nhập gia đình, ngày 17/4/2018 T không bàn bạc với ai mà chủ động thỏa thuận với bà P, ông C và một số người khác để thuê chặt phá rừng để trồng rừng thì bà Pya, ông Chung và một số người khác nữa đồng ý, Tài dẫn những người làm thuê đến khu rừng của gia đình tại khu K, thôn Đ và chỉ danh giới thửa đất đúng như bà H là mẹ của T đã chỉ cho trước đó, T yêu cầu những người làm thuê phát phá cây bụi dậm trước, sau đó mới chặt hạ những cây thân gỗ; Diện tích rừng trước khi bị chặt phá đều đang sống và mọc kín, tán của các cây thân gỗ đã khép tán tạo ra bóng dâm che nắng hết diện tích mặt đất khi đứng dưới gốc cây, mục đích chặt hết các cây thân gỗ để sau khi cây khô thì sẽ đốt, vệ sinh rừng và trồng cây xoan, nên sau khi chặt xong thì diện tích rừng trở thành đồi trọc, chỉ còn lác đác một vài cây gỗ nhỏ. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của nhân chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Kết quả điều tra vụ án xác định: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Vật chứng của vụ án: Tổng số 349 cây gỗ = 91,805 m³. Ngày 01/10/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức tịch thu bán đấu giá sung công quỹ Nhà nước. 01 máy cưa xăng màu sơn đỏ không có lam, xích hiệu CHIODA-CS-5288 đã qua sử dụng bị cáo dùng để hủy hoại rừng. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo tài tự nguyện nộp

4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tại Chi cục thi hành án huyện P để bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số: 22/CT - VKSPN ngày 08/11/2018 truy tố bị cáo Hoàng Văn Tài về tội "*Hủy hoại rừng*" và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:

- Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 65 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.

- Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn T.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu, hóa giá 01 máy cưa xăng màu sơn đỏ không có lam, xích hiệu CHIODA-CS-5288 đã qua sử dụng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và nguyên đơn dân sự. Tạm giữ số tiền 4.000.000^d (Bốn triệu đồng) bị cáo Tài tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P nhằm khắc phục một phần thiệt hại cho nguyên đơn dân sự. Do vậy số tiền này cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo nhất trí tội danh mà Viện kiểm sát đề nghị và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Bị cáo T nói lời sau cùng có ý kiến mong Hội đồng xét xử xem xét xử với mức hình phạt thấp nhất, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện nguyên đơn dân sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày từ và 17/4/2018 đến 30/4/2018 tại thửa đất số 71; 72; 75; 76; 676 Lô 2, khoảnh 5, tiểu khu 21, tờ bản đồ số 02 thuộc khu rừng K, thôn Đ, xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Hoàng Văn T trú tại thôn N, xã B, huyện P đã có hành vi phát phá 16.600m² rừng sản xuất có trạng thái tự nhiên phục hồi. gây thiệt hại 349 cây gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII = 91,805 m³ trị giá 70.600.563 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

Điều 243 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

.....

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²);

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài nguyên rừng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình quản lý, bảo vệ rừng tại địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên hành vi phát phá rừng của bị cáo không vì lợi nhuận hay có động cơ, mục đích gì khác mà bị cáo phát để trồng cây xoan để tăng hiệu quả kinh tế gia đình.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Ngoài phạm tội lần này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật Nhà nước và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, có nơi cư trú rõ ràng, ông nội của bị cáo có công với Nhà nước, bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền là 4.000.000^d (Bốn triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm nhằm khắc phục một phần thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, do vậy trong vụ án này bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, tu dưỡng và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định gia đình bị cáo mới tách hộ gia ở riêng rất khó khăn về kinh tế, không có thu nhập ổn định, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở huyện có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn T.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện được ủy quyền cho nguyên đơn dân sự là ông La Đức D nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nhất trí với số tiền bị cáo Hoàng Văn T tự nguyện bồi thường là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo và xin miễn tiền phạt, án phí cho bị cáo Tài. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn Tung; Quách Văn Y, Hoàng Văn S, Nguyễn Thị Q nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu gì, tại phiên tòa bà Nông Thị T cũng không yêu cầu gì, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Hoàng Văn T đã tự nguyện nộp một khoản tiền là 4.000.000^d (Bốn triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm nhằm khắc phục một phần thiệt hại cho nguyên đơn dân sự. Do vậy số tiền này cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với những người liên quan gồm ông Ma Văn C và các bà Lý Thị P, Hoàng Thị B, Lý Thị U, Hà Thị P, Vàng Thị D, Đặng Thị Ô, Đặng Thị Đ, Hoàng Thị P, Bàn Thị T và Đặng Thị C là những người trực tiếp phát phá rừng do Hoàng Văn T thuê, tuy nhiên kết quả điều tra xác định trước khi phát phá, T

không nói cho biết việc phát phá khi không có thiết kế trồng rừng, do vậy không có căn cứ xem xét trách nhiệm liên quan.

[10] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 máy cưa xăng màu sơn đỏ không có lam, xích hiệu CHIODA-CS-5288 đã qua sử dụng dùng vào việc phạm tội.

Đối với số cây mà bị cáo chặt lẩn sang phần đất của các hộ Quách Văn Y, Hoàng Văn S, Nông Thị T; Nguyễn Thị Q, quá trình điều tra các hộ không yêu cầu lấy lại số cây bị cáo T đã chặt và nhất trí cho cơ quan Nhà nước xử lý theo pháp luật.

Đối với tổng số 349 cây gỗ = 91,805 m³ Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm đã ra Quyết định số: 13/CSĐT ngày 01/10/2018 của Công an huyện Pác Nặm bằng hình thức tịch thu giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện P và Ủy ban nhân dân xã B tổ chức bán đấu giá nộp ngân sách Nhà nước là có căn cứ pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “*Hủy hoại rừng*”;

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (*Sáu mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp ng^{ời} đ^{ược} h^{ưởng} án treo thay đổi nơi c^ư trú thì đ^{ược} thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 Bộ luật dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại: Bị cáo Hoàng Văn T tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) theo biên lai số: 00859 ngày 08/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 máy cưa xăng màu sơn đỏ không có lam, xích hiệu CHIODA-CS-5288 đã qua sử dụng dùng vào việc phạm tội.

Tạm giữ số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) bị cáo Tài đã nộp theo biên lai số: 00859 ngày 08/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

(Việc xử lý vật chứng số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2018 giữa Công an huyện Pác Nặm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí;

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn T.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (1b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (1b);
- VKSND huyện Pác Nặm (1b);
- Cán bộ HS - CA huyện Pác Nặm (3b);
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Pác Nặm (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn (1b);
- Bị cáo (1b);
- Nguyên đơn dân sự (01b);
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (4b);
- Người bào chữa (1b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn thư (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Chu Đức Quế